

Bản án số: 386/2018/HS-PT

Ngày: 12-9-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Hồng Sơn

Các Thẩm phán: 1/ Bà Lê Kim Loan

2/ Bà Phạm Uyên Thy

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Trung Hiếu - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Trần Thanh Khánh - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 11 và 12/9/2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 268/2018/TLPT-HS, ngày 03/7/2018 đối với bị cáo Nguyễn Ngọc Phương L do có kháng cáo của bị cáo Nguyễn Ngọc Phương L đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 33/2018/HSST ngày 24/5/2018 của Tòa án nhân dân Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị cáo có kháng cáo:

Nguyễn Ngọc Phương L (Tên gọi khác: “Nam”); giới tính: Nam; sinh năm: 1973; tại: Tỉnh Quảng Ngãi; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn 11, xã Q, huyện E, tỉnh Lâm Đồng; chỗ ở trước khi bị bắt: Thôn 03, xã Q, huyện E, tỉnh Lâm Đồng; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 12/12; nghề nghiệp: Kinh doanh; con ông Nguyễn Ngọc H - sinh năm 1952 và bà Đỗ Thị Xuân L - sinh năm 1953; bị cáo có vợ là Phan Thị N - sinh năm 1985 và có 02 con là Nguyễn Thái Thủy T - sinh năm 2004 và Nguyễn Hoàng Kim P sinh năm 2008; tiền sự, tiền án: Không.

Bị cáo bắt tạm giam từ ngày 21/11/2014 đến nay có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại: Ông Huỳnh Văn Th, sinh năm: 1960;

Nơi cư trú: Số 7, đường 31, phường BA, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh.
(có mặt tại phiên tòa)

- Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Ngọc Phương L:

1/ Luật sư Nguyễn Minh C, thuộc văn phòng luật sư HT, Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh. (Có mặt tại phiên tòa);

2/ Luật sư Nguyễn Đình Thái H, thuộc văn phòng luật sư HT, Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh. (Có mặt tại phiên tòa);

3/ Luật sư Thái Thị Diễm Tr, thuộc Công ty Luật trách nhiệm hữu hạn một thành viên NT, Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh. (Có mặt tại phiên tòa).

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:* Ông Nguyễn Ngọc H - sinh năm 1952;

Trú tại: Thôn 11, xã Q, huyện E, tỉnh Lâm Đồng. (Có mặt tại phiên tòa)

- *Người làm chứng:* Ông Lê Quang M, sinh năm 1958;

Trú tại: 87 KTL, Phường 9, quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh. (Vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào năm 2011, Nguyễn Ngọc T có mua một xe ô tô 07 chỗ hiệu Ford Everest màu đen ghi vàng không rõ biển số với giá rẻ để sử dụng. Sau một thời gian sử dụng, T mang xe đi đăng kiểm nhưng không được và phát hiện xe không rõ nguồn gốc nên T bàn bạc với anh ruột mình là Nguyễn Ngọc Phương L bằng cách lấy giấy chứng minh nhân dân của L để thuê người làm giả toàn bộ hồ sơ xe gồm: Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô, giấy chứng nhận kiểm định gắn biển số xe giả mang số: 51A-143.70 đối với chiếc xe trên. Toàn bộ giấy tờ giả của xe do Nguyễn Ngọc Phương L đứng tên. Sau khi thuê người làm giả toàn bộ các giấy tờ giả liên quan đến chiếc xe trên xong T đã đưa chiếc xe cho L để sử dụng làm phương tiện đi lại.

Đến khoảng tháng 5/2013, do thiếu tiền trong quá trình kinh doanh nên L nảy sinh ý định bán chiếc xe ô tô trên cho người khác để lấy tiền lo cho việc kinh doanh nên có nhờ ông Lê Quang M (trú tại: 87 đường KTL, Phường 9, quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh) giới thiệu người để bán chiếc xe trên. Sau đó ông M giới thiệu cho L biết ông Huỳnh Văn Thọ ngụ tại số 07 đường 31, phường AB, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh là người đang có nhu cầu mua xe ô tô. Đến ngày 04/5/2013, L điều khiển xe ô tô biển số 51A-143.70 đi cùng ông M đến gặp ông Th tại nhà của ông Th tại phường AB, Quận X để thỏa thuận việc bán xe. Tại đây L đồng ý bán chiếc xe trên cho ông Th với giá là: 400.000.000 đồng. Sau khi thỏa thuận xong về giá cả thì ông Th làm hợp đồng bán xe viết tay giữa ông Th với L dưới sự chứng kiến của ông Lê Quang M. Sau khi thống nhất về giá cả L cùng ông Th đồng ý ký tên vào hợp đồng bán xe. Lúc này nhằm che giấu sự thật mặc dù L không còn đăng ký hộ khẩu thường trú tại số 532 Khu phố 1, phường PH, Quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh nhưng vẫn đề nghị ông Th ghi địa chỉ này vào hợp đồng bán xe mặc dù lúc này L đã chuyển

hộ khẩu về tại Thôn 11, xã Q, huyện E, tỉnh Lâm Đồng. Sau đó L đưa tất cả các giấy tờ liên quan đến chiếc xe ô tô gồm giấy đăng ký, giấy kiểm định, bảo hiểm xe mang tên mình cho ông Th giữ và ông Th nhận xe ô tô cùng giấy tờ xe đồng thời ra Ngân hàng W-Chi nhánh Trần Nãi, Quận X rút toàn bộ số tiền 400.000.000 đồng giao trả cho L.

Đến đầu tháng 10/2013, ông Th liên lạc tìm gặp L để ra công chứng làm thủ tục sang tên, đổi chủ xe ô tô trên nhưng do biết là xe gian và các giấy tờ liên quan tới xe đều là giả nên L cố tình lẩn tránh, không liên lạc với ông Th rồi bỏ trốn về huyện S, tỉnh Lâm Đồng. Sau một thời gian sử dụng và sửa chữa lại xe, đến ngày 19/04/2014, ông Th mang chiếc xe ô tô trên đến Cục đăng kiểm ở địa chỉ số 6/6 Quốc lộ 13, phường G, quận V, Thành phố Hồ Chí Minh để làm thủ tục kiểm định và đăng ký sang tên đổi chủ thì phát hiện chiếc xe trên có biển số gốc là 60V - 7658. Các giấy tờ có liên quan đến xe gồm giấy đăng ký xe, giấy kiểm định là giả. Do vậy ông Th tiếp tục tìm cách liên lạc gặp L nhưng không gặp và được ông Nguyễn Ngọc H (Nguyễn Văn H) là cha ruột của L cam kết sẽ trả số tiền trên cho ông Th. Sau đó Ông H đồng ý ghi biên bản cam kết sẽ trả lại 400.000.000 đồng tiền mua bán xe và chi phí sửa chữa xe là 60.000.000 đồng cho ông Huỳnh Văn Th vào ngày 20/10/2013. Nhưng hơn 08 tháng sau L và gia đình vẫn không trả lại số tiền trên cho ông Th. Do vậy, ngày 24/6/2014 ông Huỳnh Văn Th đã làm đơn tố cáo hành vi của Nguyễn Ngọc Phương L đồng thời giao nộp xe ô tô trên cùng các giấy tờ liên quan đến xe cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh để điều tra xử lý.

Vật chứng thu giữ gồm:

- 01(một) giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô biển số 51A - 143.70 số sori: 051346 tên Nguyễn Ngọc Phương L; 01 (một) giấy chứng nhận kiểm định xe ô tô biển số 51A – 143.70 số KA: 0092519; 01 (một) giấy chứng nhận bảo hiểm tự nguyện của chủ xe ô tô biển số 51A – 143.70 mang tên Nguyễn Ngọc Phương L; 01 (một) xe ô tô loại 7 chỗ hiệu Ford Everest mang biển số : 51A – 143.70, số máy: WLAT – 953418, số khung: RL05SUHMM8ER – 09627, 01 giấy bán xe có chữ ký của Phương L và Huỳnh Văn Th.

Theo Bản kết luận định giá tài sản số 10/HĐĐGTS-TCKH ngày 16/12/2014 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự cấp quận thuộc Ủy ban nhân dân Quận 2 thì giá trị của chiếc xe ô tô hiệu Ford Everest, biển số 51A-143.70, (biển số giả) màu sơn: đen ghi vàng, số khung là: RL05SUHMM8ER09627; số máy: WLAT-953418 đã qua sử dụng là 400.000.000 (bốn trăm triệu) đồng.

Theo Bản kết luận giám định số 280/KLGD-TT ngày 12/02/2015 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an Thành phố Hồ Chí Minh kết luận chữ ký, chữ viết họ tên “Phương L” trên Giấy bán xe - tài liệu cần giám định ký hiệu A so với chữ ký, chữ viết họ tên Nguyễn Ngọc Phương L trên các tài liệu mẫu so sánh do cùng một người ký và viết ra.

Theo Bản kết luận giám định số 922/KLGD-TT ngày 25/7/2014 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an Thành phố Hồ Chí Minh thì giấy chứng nhận kiểm định số 0092519 của xe ô tô con biển số 51A-143.70 hiệu Ford Everest, số khung: RL05SUHMM8ER09627; số máy: WLAT-953418 đề ngày cấp 18/04/2013 và giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 051364 mang tên chủ xe Nguyễn Ngọc Phương L (sinh năm 1973, địa chỉ: 532 Khu phố 1, phường Hiệp Phú, Quận 9) có số khung: RL05SUHMM8ER09627; số máy: WLAT-953418: là được làm giả bằng phương pháp in phun màu.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh tiến hành xác minh biển số xe: 51A-143.70 (là biển số được gắn trên xe ô tô 07 chỗ hiệu Ford Everes của L) thì được biết biển số thật là của xe ô tô hiệu Mitsubishi, màu xám có số khung: VB2W51001434; số máy: 4G63R-Z05305. Xe ô tô này do chị Lê Thị Trúc H, thường trú 324A đường KVV, phường GC, Quận Y đứng tên đăng ký chủ sở hữu. Ngày 21/05/2012 chị H đã bán chiếc xe ô tô trên cho anh Đặng Quốc A, trú tại 35 Ấp 3, xã PH, huyện GT, tỉnh Bến Tre. Quá trình mua bán xe ô tô chị H và anh A có đến Phòng Công chứng Lý Thị Như H số 1/5 đường TB, Khu phố 1, thị trấn MH, huyện Z, Thành phố Hồ Chí Minh để làm thủ tục công chứng sang tên. Sau đó, anh A mang xe về Phòng Cảnh sát giao thông tỉnh Bến Tre để đăng ký lại biển số xe mới, còn biển số xe: 51A-143.70 thì Phòng Cảnh sát giao thông Công an thành phố Hồ Chí Minh đã thu hồi.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh tiến hành xác minh số khung: RL05SUHMM8ER09627; số máy: WLAT-953418 của xe ô tô 07 chỗ hiệu Ford Everest mà Nguyễn Ngọc Phương L đã bán cho ông Huỳnh Văn Th thì được biết xe mang biển số thật là: 60V-7658 do Doanh nghiệp tư nhân TVT địa chỉ 14/9 Khu Phố 3, phường DT, thành phố HB, tỉnh Đồng Nai đứng tên chủ xe. Doanh nghiệp này do ông Lê Văn Th, trú tại 18/6 Khu phố 3, phường DT, thành phố HB, tỉnh Đồng Nai làm Giám đốc nhưng hiện ông Th1 đã chết. Theo anh Lê Nguyễn Sỹ Tiến là con trai ông Th1 thì xe ô tô hiệu Ford Everest mang biển số: 60V-7658 do ông Th1 mua mới tại cửa hàng xe Ford ở Đồng Nai vào năm 2010 với giá khoảng 690.000.000 đồng và sử dụng làm phương tiện đi lại. Ngày 18/02/2011 qua quá trình sử dụng ông Th1 bị mất xe trên tại thôn TT, xã HT, huyện R, tỉnh Đắk Nông. Sau đó, Công an huyện R đã khởi tố vụ án và ra thông báo truy tìm vật chứng để điều tra làm rõ và chuyển vụ án đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đắk Nông thụ lý theo thẩm quyền.

Ngày 06/10/2014, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh có công văn thông báo đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đắk Nông về việc đang tạm giữ chiếc xe ô tô có liên quan đến vụ trộm ngày 18/02/2011 tại thôn TT, xã HT, huyện R, tỉnh Đắk Nông. Đến ngày 06/11/2014 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh đã bàn giao chiếc xe ô tô hiệu Ford Everest, không có biển số, màu đen

ghi vàng, số khung: RL05SUHMM8ER09627; số máy: WLAT-953418 cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đắk Nông để giải quyết.

Ngày 19/11/2014, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận X đã mời L đến làm việc và L đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nêu trên. Tuy nhiên đến sau thời gian tháng 5/2015 thì bị cáo L phản cung không thừa nhận hành vi của mình.

Tại Bản cáo trạng số 32/CTr-VKS ngày 31 tháng 3 năm 2017 Viện kiểm sát nhân dân Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố bị cáo Nguyễn Ngọc Phương L về tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức” theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 139 và khoản 1 Điều 267 Bộ luật Hình sự năm 1999, đã được sửa đổi bổ sung năm 2009.

Tại phiên tòa sơ thẩm ngày 22/5/2018 và 24/5/2018, bị cáo Nguyễn Ngọc Phương L cũng không thừa nhận hành vi của mình và liên tục kêu oan, đồng thời yêu cầu Tòa án trả tự do cho bị cáo.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 33/2018/HSST ngày 24/5/2018 của Tòa án nhân dân Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo **Nguyễn Ngọc Phương L** phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức”.

- *Về hình phạt:* Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 139 và khoản 1 Điều 267; khoản 2 Điều 46; Điều 33 Bộ luật Hình sự năm 1999, đã được sửa đổi bổ sung năm 2009.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Ngọc Phương L 08 (tám) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và 06 (sáu) tháng tù về tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức”.

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 50 Bộ luật Hình sự năm 1999, đã được sửa đổi bổ sung năm 2009. Tổng hợp hình phạt của hai tội buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung là 08 (tám) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 21/11/2014.

- *Về trách nhiệm dân sự:* Áp dụng khoản 1 Điều 42 Bộ luật Hình sự năm 1999, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009. Điều 584; Điều 585; Điều 586; Điều 589 Bộ luật Dân sự: Buộc bị cáo L phải chịu trách nhiệm bồi thường cho ông Huỳnh Văn Th số tiền: 400.000.000 (bốn trăm triệu) đồng, ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Ngoài ra, Bản án hình sự sơ thẩm còn tuyên về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 29/5/2018, bị cáo Nguyễn Ngọc Phương L có đơn kháng cáo cho rằng cấp sơ thẩm đã xét xử chưa đúng người, đúng tội và có oan sai.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, bị cáo Nguyễn Ngọc Phương L vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo xin Hội đồng xét xử xem xét lại bản án và đề nghị: Bị cáo cho rằng mình không thể biết việc em trai là T lấy giấy tờ tùy thân của mình

đi làm giấy tờ xe giả vì T đã thuê dịch vụ nên không cần mình phải trực tiếp đi làm giấy tờ; bị cáo đã từng bị Cảnh sát giao thông Thành phố Hồ Chí Minh thổi phạt nhưng không được Công an thông báo nên không thể biết được đây là giấy tờ giả; bị cáo khẳng định sau khi sử dụng xe được một vài tháng thì cần tiền nên đem cầm xe cho ông Th, chứ không bán xe cho ông Th, đồng thời bị cáo cho rằng giấy bán xe mà ông Th đưa ra có nhiều mâu thuẫn và bị cáo không lẫn trốn mà do không có tiền trả tiền lãi chứ không có ý định không chuộc lại xe, bởi vì bị cáo đã đóng tiền lãi nhiều tháng cho đến khi không còn khả năng thanh toán.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa đưa ra ý kiến phát biểu: Sau khi xem xét tất cả lời khai, tình tiết trong hồ sơ vụ án, nhận thấy bản án sơ thẩm đã tuyên là đúng người, đúng tội và mức án phù hợp với tính chất cũng như mức độ của hậu quả đã xảy ra. Từ đó đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận đơn kháng cáo của bị cáo và y án sơ thẩm.

- Bị cáo tự bào chữa: Bị cáo không hề mua bán xe với ông Th, bị cáo chỉ cầm xe cho ông Th. Tờ giấy bán xe là mâu thuẫn vì không hề có sự đồng ý của bị cáo, bị cáo không viết mà do ông Th tự viết, bị cáo đặt vấn đề tại sao khi đã đưa tiền cho bị cáo thì ông Th lại không ràng buộc bị cáo về các giấy tờ xe, mà ông Th đã đem xe đi sử dụng một thời gian sau đó mới đi sang tên. Ngoài ra, ngày tháng ghi trong giấy mua bán xe là mâu thuẫn với nhau và số điện thoại của bị cáo được kích hoạt sau thời điểm được ghi trong giấy bán xe.

- Luật sư Nguyễn Minh C bào chữa cho bị cáo phát biểu: Ông Th có nhiều khiếm khuyết trong việc lập giấy mua bán xe dù ông là người làm ăn kinh doanh lâu năm; Việc cơ quan điều tra hỏi cung đến 22 giờ đêm là vi phạm bộ luật tố tụng hình sự, đồng thời bản Cáo trạng xác định tình tiết anh em L bàn bạc nhau là vi phạm nguyên tắc suy đoán vô tội cho bị cáo bởi không lấy được lời khai của T. Những quy định về hợp thức thủ tục xe là trách nhiệm làm rõ trong vụ án hành chính, còn trong vụ án này bị cáo có thể không biết và hoàn toàn đã không biết về thủ tục. Đồng thời người làm chứng là ông M khai coa nhiều mâu thuẫn, lúc không biết việc ký giấy mua bán, lúc thì có nghe nói đến việc này. Bị cáo L không bỏ trốn vì khi bị bắt thì bị cáo đang cư trú tại Lâm Đồng là quê của bị cáo. Việc bị cáo cầm chiếc xe bằng với giá xe đã mua từ T và qua giá định giá cho thấy L không vụ lợi và không có ý thức lừa đảo trong vụ án này. Do vụ án có nhiều tình tiết còn chưa rõ và vi phạm thủ tục tố tụng nên đề nghị Hội đồng xét xử tuyên hủy bản án sơ thẩm để điều tra làm rõ lại.

- Luật sư Thái Thị Diễm Tr bào chữa cho bị cáo phát biểu: Tại giai đoạn điều tra đã có quyết định điều tra bổ sung một số vấn đề nhưng tại bản án sơ thẩm vẫn chưa được làm rõ như: Có giao dịch 400 triệu đồng tại Ngân hàng Maritime Bank vào ngày xác lập giao dịch hay không, xác định số điện thoại kích hoạt vào thời điểm nào. Về bảng số xe thì cơ quan công an đã xác định giấy tờ xe được làm giả bằng phương pháp in phun nhưng còn bảng số xe thì lại không đề cập đến. Từ đó, luật sư muốn làm rõ tội danh của L theo hướng nếu L

không có hành vi làm giả và giao dịch với ông Th là ngang giá thì L không phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” bởi L không có bất kỳ hành vi gian dối nào. Nếu L phạm tội thì luật sư đề nghị xem xét đến việc bỏ lọt tội phạm đối với hành vi lấy một biển số xe khác để lắp vào xe của L.

Về tố tụng, bản án sơ thẩm lần đầu sau khi hủy để điều tra lại thì Viện kiểm sát nhân dân Quận X lại không ra cáo trạng mới mà dùng công văn cũ để giữ nguyên cáo trạng, trong khi Cơ quan điều tra công an Quận X đã ra kết luận điều tra bổ sung nhưng Viện kiểm sát không có cáo trạng mới là chưa phù hợp quy định tố tụng; ngoài ra việc bắt bị cáo L cũng chưa đúng theo quy định.

Do vậy, đối với tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức” thì Viện kiểm sát nhân dân Quận X cho rằng L có hành vi sử dụng giấy giả nên đã cấu thành tội phạm, nhưng trong vụ án này thì L hoàn toàn không biết đây là giấy giả nên không cấu thành tội Làm giả. Từ đó, luật sư đề nghị tuyên hủy bản án để xét xử lại hoặc tuyên bị cáo không phạm tội.

- Luật sư Nguyễn Đình Thái H bào chữa cho bị cáo phát biểu: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cho rằng hợp đồng mua bán xe đã hợp lệ và ngay tình, nhưng tại thời điểm giao dịch mua bán thì người lập là ông Th không thể viết sai thời gian cách nhau đến 01 tháng, có khả năng sau đó ông Th mới viết lại nội dung trên tờ giấy mà L đã ký sẵn nên mới viết sai. Mặt khác, sau 02 tháng kể từ ngày đi đăng kiểm thì ông Th mới tố giác nên bản án sơ thẩm nhận định ông Th khai đã đi tố giác ngay là không phù hợp. Biên bản định giá, Kết luận định giá chỉ dựa theo giá tham khảo tại một cơ sở sửa chữa xe, mà không tham khảo từ cơ sở chuyên kinh doanh buôn bán xe khác là chưa phù hợp và có thể giá trị xe khi định giá còn cao hơn.

Ngoài ra, việc xác lập hợp đồng mua bán xe là chưa đủ cơ sở để chứng minh bởi ông Th tuy lớn tuổi nhưng cũng không thể đến mức nhầm trí nhớ để ghi sai thời gian vào thời điểm đó, ngoài ra việc số điện thoại được ghi trong giấy mua bán xe là đã thể hiện rõ số điện thoại này được ghi vào sau để hợp thức hóa việc tố cáo. Nên luật sư đề nghị hủy án sơ thẩm hoặc tuyên bị cáo không phạm tội.

- Đại diện Viện kiểm sát Thành phố Hồ Chí Minh đối đáp: Đối với lập luận cho rằng ông M từng có lời khai không biết về việc mua bán xe là chưa đủ cơ sở vì ông M đã lớn tuổi nên lời khai có thể chưa đủ sự tin cậy, khi khai có biết, khi thì khai chỉ nghe nói hoặc không biết, tuy nhiên, cơ quan điều tra còn căn cứ vào nhiều tình tiết và chứng cứ khác để chứng minh về giao dịch mua bán xe giữa bị cáo và ông Th. Đối với giá trị định giá của xe, việc định giá xe là diễn ra sau thời điểm mua bán hơn 1 năm, mặc dù đây là giám định của cơ quan độc lập nhưng không có nghĩa là đồng nhất với giá trị thực của xe và việc giám định là để củng cố thêm chứng cứ chứng minh hành vi phạm tội của bị cáo.

Đối với biển số xe 51A-143.70 thật đang được lưu giữ tại cơ quan công an giao thông thành phố, còn việc Viện kiểm sát nhân dân Quận X ra công văn giữ

nguyên cáo trạng là phù hợp quy định pháp luật vì bản án bị hủy do vi phạm về tổ tụng của Tòa án nhân dân Quận 2 nhưng không hủy về nội dung bản án.

Đối với sai sót về ngày tháng trong giấy mua bán, ông Th cũng đã xác nhận ông ghi nhầm nhưng thời điểm phát sinh hợp đồng phù hợp với thời điểm ông Th ra ngân hàng để rút tiền. Do đó không đủ cơ sở để xác định hợp đồng là vô hiệu.

- Về phần tranh luận đối đáp giữa các luật sư và đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đều giữ nguyên quan điểm như đã phát biểu.

Bị cáo nói lời sau cùng xin Hội đồng xét xử xem xét bị cáo không lừa đảo, nếu bị cáo lừa đảo thì không sẽ không lấy tên thật của mình để làm giả giấy tờ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và ý kiến của kiểm sát viên, bị cáo, luật sư, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Ngày 24/5/2018 Tòa án nhân dân Quận 2 xét xử sơ thẩm, đến ngày 29/5/2018, bị cáo Nguyễn Ngọc Phương L có đơn kháng cáo cho rằng cấp sơ thẩm đã xét xử chưa đúng người, đúng tội và có oan sai. Đơn kháng cáo của bị cáo được lập trong trong thời hạn luật định nên hợp lệ.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo đã phủ nhận hoàn toàn các cáo buộc của Cáo trạng và không thừa nhận hành vi phạm tội như kết luận của đại diện Viện kiểm sát, cũng như bản án sơ thẩm đã xét xử. Bị cáo cho rằng mình không thể biết việc em trai là T lấy giấy tờ tùy thân của mình đi làm giấy tờ xe giả vì T đã thuê dịch vụ nên không cần mình phải trực tiếp đi làm giấy tờ; bị cáo đã từng bị Cảnh sát giao thông Thành phố Hồ Chí Minh thổi phạt, nhưng không được Công an thông báo nên không thể biết được đây là giấy tờ giả; bị cáo khẳng định sau khi trực tiếp sử dụng xe được một vài tháng và không đem xe đi kiểm định lần nào, cho đến khi cần tiền thì bị cáo đem xe cầm cố cho ông Th, chứ không bán xe cho ông Th, đồng thời bị cáo cho rằng giấy bán xe mà ông Th đưa ra có nhiều mâu thuẫn và bị cáo không lẩn trốn mà do không có tiền trả tiền lãi chứ không có ý định không chuộc lại xe, bởi vì bị cáo đã đóng tiền lãi nhiều tháng cho đến khi không còn khả năng thanh toán.

Với những trình bày như trên của bị cáo, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Đối với việc bị cáo L cho rằng bị cáo không thể biết được việc em trai của mình là Nguyễn Ngọc T lấy giấy tờ tùy thân của L để đi làm giả giấy tờ xe nhằm mục đích sử dụng là không có cơ sở, bởi lẽ: Tại hồ sơ vụ án thì giấy chứng nhận kiểm định được cấp vào ngày 18/4/2013, tức là sau thời điểm bị cáo trực tiếp sử dụng, quản lý xe, như vậy bị cáo phải đem xe đi kiểm định vào ngày 18/4/2013, bản thân bị cáo không đem xe đi kiểm định nhưng lại có giấy chứng nhận kiểm định được cấp vào ngày 18/4/2013, do đó có đủ cơ sở để xác định bản thân bị

cáo đã biết các giấy tờ xe bị cáo sử dụng, quản lý là giả, điều này phù hợp với các bản tự khai, biên bản lấy lời khai bị cáo L vào thời điểm trước tháng 5/2015, là khoảng thời gian bị cáo L đã khai rất rõ ràng và liên tục khẳng định là bị cáo biết việc em trai mình làm giả giấy tờ xe, thông qua việc bị cáo biết T mua chiếc xe trên với giá rất rẻ và bị cáo còn khẳng định giá trị xe trên thị trường tại thời điểm đó cao hơn rất nhiều so với giá mua, điều này cũng phù hợp với lời khai bị cáo đã biết em trai mình làm giả giấy tờ và có nói cho bị cáo biết, đồng thời bị cáo từng khai đã nhận thấy sai lầm của mình, xin khắc phục hậu quả và xin được khoan hồng. Mặt khác theo quy định của pháp luật thì việc mua bán xe ô tô phải bắt buộc có mặt để ký hợp đồng, ký xác nhận rất nhiều văn bản và thực hiện nhiều thủ tục như quy định tại thông tư số 12/2013/TT-BCA ngày 01/03/2013 của Bộ công an quy định về đăng ký xe, điều này phù hợp với lời khai ban đầu của bị cáo, cũng như phù hợp với lời trình bày của Điều tra viên tại phiên tòa về việc không mớn cung, nhục hình đối với bị cáo. Việc bị cáo quanh co chối tội từ sau tháng 5/2015 đến nay là không có cơ sở để xem xét.

Đối với việc bị cáo cho rằng mình không bán xe mà chỉ cầm xe cho ông Th thì cũng không có cơ sở, bởi lẽ: Tại các biên bản lấy lời khai, bản tự khai, bản tường trình trước thời điểm tháng 5/2015, tuy lời khai của bị cáo có sự mâu thuẫn về bản chất giao dịch giữa bị cáo và ông Th (có thời điểm bị cáo khai là mua bán, có thời điểm thì khai là cầm cố), tuy nhiên căn cứ vào chứng cứ là giấy mua bán xe xác lập giữa ông Th và được bị cáo ký tên xác nhận, xét thấy có cơ sở để xác định đây là giao dịch mua bán được xác lập giữa ông Th và bị cáo.

Đối với việc bị cáo cho rằng mình không có hành vi chiếm đoạt tài sản là số tiền 400.000.000 đồng từ ông Th, Hội đồng xét xử nhận định lời trình bày của bị cáo là không cơ sở, bởi lẽ từ thời điểm được nhận số tiền 400 triệu từ ông Th cho đến đầu tháng 10/2013, sau nhiều lần liên lạc tìm gặp L để ra công chứng làm thủ tục sang tên, đổi chủ xe ô tô nhưng lúc này L đã chuyển về cư trú tại Thôn 11, xã Q, huyện E, tỉnh Lâm Đồng mà không báo cho ông Th biết, cho đến ngày 19/04/2014, ông Th mang chiếc xe ô tô trên đến Cục đăng kiểm ở địa chỉ số 6/6 Quốc lộ 13, phường G, quận V, Thành phố Hồ Chí Minh để làm thủ tục kiểm định và đăng ký sang tên đổi chủ thì mới phát hiện chiếc xe trên có biển số gốc là 60V-7658 và các giấy tờ có liên quan đến xe gồm giấy đăng ký xe, giấy kiểm định đều là giả. Ông Th tiếp tục tìm cách liên lạc gặp L nhưng không được. Đến ngày 20/10/2013, ông Nguyễn Ngọc H là cha ruột của L có làm cam kết sẽ trả lại 400.000.000 đồng tiền mua bán xe và chi phí sửa chữa xe là 60.000.000 đồng cho ông Huỳnh Văn Th vào ngày 20/10/2013 nhưng hơn 08 tháng sau thì L và Ông H vẫn không trả lại số tiền trên cho ông Th cho đến khi vụ án được khởi tố.

Mặt khác, theo quy định của Bộ Công an thì khi cấp đổi Giấy chứng minh thư nhân dân mới ngày 16/7/2011 thì bị cáo phải nộp lại chứng minh thư nhân dân cũ, tuy nhiên bị cáo đã khai bị mất để được cấp mới. Sau đó bị cáo đã dùng chứng minh thư cũ để làm giả giấy tờ xe vào ngày 16/8/2011, cũng như lấy địa

chỉ theo chứng minh thư cũ, cùng toàn bộ giấy tờ giả của xe mà bị cáo quản lý sử dụng (mà bị cáo đã biết trước là giả như nhận định trên) để bán xe cho ông Th, và đã chiếm đoạt của ông Th số tiền là 400.000.000 đồng là đã thể hiện sự gian dối, vì ô tô lưu hành, sử dụng được phải có giấy tờ hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Từ những lập luận trên đây, Hội đồng xét xử xét thấy đã có đủ cơ sở kết luận bị cáo Nguyễn Ngọc Phương L phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại Điều 139 và Điều 267 Bộ luật Hình sự năm 1999, đã được sửa đổi bổ sung năm 2009. Do đó, Tòa án nhân dân Quận 2 đã xét xử bị cáo về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” và tội “*Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức*” theo điểm a khoản 3 Điều 139 và khoản 1 Điều 267 của Bộ luật Hình sự năm 1999, được sửa đổi bổ sung năm 2009 là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Về việc áp dụng hình phạt đối với bị cáo L: Tòa án cấp sơ thẩm không áp dụng tình tiết tăng nặng nào đối với bị cáo và cũng xem xét đến các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo đó là: Bị cáo phạm tội lần đầu; Bị cáo chưa có tiền án tiền sự; Gia đình bị cáo đang có hoàn cảnh khó khăn, theo quy định tại khoản 2 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009 để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo mà lẽ ra bị cáo phải chịu.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo và các luật sư không cung cấp thêm tài liệu chứng cứ nào mới để làm cơ sở xem xét đơn kháng cáo. Sau khi cân nhắc đến nhân thân người phạm tội, đến tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội và các tình tiết tăng nặng cũng như giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, Hội đồng xét xử xét thấy không có cơ sở để chấp nhận đơn kháng cáo của bị cáo và cần y án sơ thẩm.

[4] Đối với nội dung trình bày trong đơn kháng cáo của ông Nguyễn Ngọc H. Ông H được Tòa án cấp sơ thẩm xác định là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án, cụ thể ông chỉ liên quan đến văn bản cam kết trả tiền bồi thường thay cho bị cáo L và cũng chưa thực hiện cam kết này nên Ông H không có quyền kháng cáo về tội danh và hình phạt đối với bị cáo và Tòa án nhân dân Quận 2 đã có thông báo trả lại đơn kháng cáo cho Ông H ngày 26/7/2018. Vì vậy đơn kháng cáo của Ông H không thuộc phạm vi xem xét của Tòa án cấp phúc thẩm nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[5] Lập luận trên đây cũng là căn cứ để chấp nhận quan điểm luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Những lập luận trên cũng là cơ sở để Hội đồng xét xử không chấp nhận quan điểm của các luật sư bào chữa cho bị cáo trình bày tại phiên tòa về việc hủy án để điều tra xét xử lại hoặc tuyên bị cáo không phạm tội, cũng như không chấp nhận lời trình bày của bị cáo tại phiên tòa.

Về lời trình bày của luật sư Tr về việc Viện kiểm sát nhân dân Quận X ra

Công văn giữ nguyên cáo trạng mà không ban hành Cáo trạng mới, Hội đồng xét xử thấy Bản án phúc thẩm số 436/2016/HSPT ngày 04/8/2016 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã hủy Bản án sơ thẩm số 21/2016/HSST ngày 08/4/2016 của Tòa án nhân dân Quận 2 là hủy do vi phạm tố tụng của Tòa án nhân dân Quận 2, khi không có điều tra gì khác về nội dung thì Viện kiểm sát Quận X giữ nguyên Bản cáo trạng số 32/CTr-VKS ngày 31 tháng 3 năm 2017 là phù hợp với các quy định của pháp luật.

Về bộ biển số xe 51A- 143.70 mà luật sư Tr cho rằng chưa chứng minh làm giả bằng phương pháp nào và có dấu hiệu bỏ lọt tội phạm. Hội đồng xét xử xét thấy ngày 16/8/2011 bị cáo đã làm giả Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô với biển số 51A-143.70 và sử dụng xe với biển số 51A-143.70. Quá xác minh thì được biết biển số thật là của xe ô tô hiệu Mitsubishi là 51A-143.70 do chị Lê Thị Trúc H, thường trú 324A đường KVV, phường GC, Quận 1 đứng tên đăng ký chủ sở hữu. Ngày 21/05/2012 chị H đã bán chiếc xe ô tô trên cho anh Đặng Quốc A, trú tại 35 Ấp 3, xã PH, huyện GT, tỉnh Bến Tre và đã đến Phòng Công chứng Lý Thị Như H, số 1/5 đường Bà Triệu, Khu phố 1, thị trấn Hóc Môn, huyện Z, Thành phố Hồ Chí Minh để làm thủ tục công chứng sang tên. Sau đó, anh Quốc A mang xe về Phòng Cảnh sát giao thông tỉnh Bến Tre để đăng ký lại biển số xe mới, còn biển số xe: 51A-143.70 thì Phòng Cảnh sát giao thông Công an thành phố Hồ Chí Minh đã thu hồi. Như vậy thời điểm từ 16/8/2011 đến 21/5/2012 có 02 xe ô tô cùng mang biển số 51A-143.70, điều này có đủ cơ sở khẳng định bộ biển số xe 51A- 143.70 mà bị cáo lắp vào xe ô tô của bị cáo quản lý, sử dụng là giả và biển số thật 51A- 143.70 thời điểm này đang được lắp sử dụng vào xe ô tô hiệu Mitsubishi của chị Lê Thị Trúc H. Do đó, lập luận nêu trên của luật sư Tr là không có cơ sở để chấp nhận.

[6] Về án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[7] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Ngọc Phương L và giữ nguyên bản án sơ thẩm số 33/2018/HSST ngày 24/5/2018 của Tòa án nhân dân Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Tuyên bố bị cáo **Nguyễn Ngọc Phương L** phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” và “*Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức*”.

3. Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 139 và khoản 1 Điều 267; khoản 2 Điều 46; Điều 33; điểm a khoản 1 Điều 50 của Bộ luật Hình sự năm 1999, đã được sửa đổi bổ sung năm 2009,

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Ngọc Phương L 08 (tám) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và 06 (sáu) tháng tù về tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức”. Tổng hợp hình phạt của hai tội buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung là 08 (tám) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 21/11/2014.

4. Áp dụng Điều 135, 136 Bộ luật tố tụng hình sự và áp dụng Điều 22 và 23 Nghị quyết quyết định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, cùng danh mục án phí, lệ phí tòa án;

Bị cáo Nguyễn Ngọc Phương L phải nộp án phí hình sự phúc thẩm là: 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng).

5. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND TC; (1)
- TAND cấp cao tại Tp.HCM; (1)
- VKSND cấp cao tại Tp.HCM; (1)
- TAND Quận X; (1)
- VKSND Tp.HCM; (3)
- VKSND Quận X; (1)
- P.PC 53 – CA Tp.HCM; (1)
- Cục THADS Tp.HCM; (1)
- Chi cục THA Quận X; (1)
- Bị cáo; (1)
- Người bào chữa; (3)
- Trại giam; (1)
- Công an Quận X; (1)
- Sở Tư pháp; (1)
- Lưu: VT, THS, hồ sơ. (24) (6)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Hồng Sơn